UBND QUẬN GÒ VẤP **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TRUỜNG MẦM NON SEN HỒNG** Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**Dự thảo** *Gò Vấp, ngày 02 tháng10 năm 2020*

**KẾ HOẠCH THU- CHI**

**CÁC KHOẢN THU THỎA THUẬN - THU HỘ, CHI HỘ**

**NĂM HỌC 2020– 2021.**

**A. Căn cứ đề xây dựng kế hoạch:**

- Căn cứ Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015-2016 đến năm học 2020 – 2021;

- Quyết định số 34/2016/QĐ-UBND ngày 13 tháng 9 năm 2016 của Uỷ ban nhân dân thành phố về thực hiện Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày ngày 02 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015-2016 đến năm học 2020 – 2021 trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh và Nghị quyết số 25/2018/NQ- HĐND ngày 7 tháng 12 về điều chỉnh mức học phí cho học sinh Nhà trẻ, Trung học cơ sở….; Công văn số 1116 / GDĐT ngày 05 tháng 10 năm 2020 về việc thực hiện chế độ chính sách cho học sinh năm học 2020-2021

- Nghị quyết 04/NQ-HĐND ngày 6 tháng 7 năm 2017 của hội đồng nhân dân thành phố về chính sách thu hút giáo viên mầm non trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh

- Công văn số 2772/GDĐT – KHTC ngày 31/08/2020 của Sở Giáo dục và Đào tạo TPHCM – Kế hoạch Tài chính về hướng dẫn thu, sử dụng học phí và các khoản thu khác năm học 2020 – 2021 của các cơ sở giáo dục và đào tạo công lập trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh;

- Căn cứ Công văn số 1236/HDLS/TC-GDĐT ngày 14/2/2014 công tác hạch toán thu chi các khoản thu, chi các khoản thu của ngành giáo dục;

- Căn cứ vào công văn số 4309/UBND-TCKH-GDĐT ngày 02 tháng 10 năm 2020 của Ủy Ban nhân dân Quận Gò vấp về việc thực hiện các khoản thu, sử dụng học phí và các khỏan thu khác của các cơ sở giáo dục và đào tạo công lập thuộc quận năm học 2020 -2021.

- Căn cứ vào phương hướng nhiệm vụ năm học 2020 - 2021 và tình hình thực tế của đơn vị, trường mầm non Sen Hồng lập kế hoạch dự toán thu – chi năm học 2020- 2021.

Nay nhà trường dự thảo kế hoạch thu- chi các khoản thỏa thuận, thu hộ - chi hộ trong năm học cụ thể như sau

**B. Mục đích xây dựng các khoản thu thỏa thuận – thu hộ chi hộ:**

- Nhẳm thực hiện môt số nhiệm vụ thay cha mẹ học sinh trong công tác nuôi dạy trẻ

- Thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của nhà trường trong việc tổ chức công việc, sắp xếp bộ máy, sử dụng lao động và nguồn lực tài chính để hoàn thành nhiệm vụ được giao; tăng nguồn thu nhằm từng bước cải thiện thu nhập cho cán bộ, giáo viên, nhân viên; tạo quyền tự chủ trong quản lý và chi tiêu tài chính của hiệu trưởng, của cán bộ giáo viên, nhân viên nhằm hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao;

- Là căn cứ để quản lý, thanh toán các khoản chi tiêu trong đơn vị; thực hiện kiểm soát chi của cơ quan quản lý cấp trên, cơ quan tài chính và cơ quan thanh tra, kiểm toán theo quy định; sử dụng tài sản, tài chính của nhà trường đúng mục đích, có hiệu quả; tạo công bằng, khuyến khích tăng thu, tiết kiệm chi, thu hút và giữ được những người có nâng lực trong đơn vị.

**C. Nguyên tắc, nội dung xây dựng kế hoạch:**

- Kế hoạch đảm bảo trong hành chính hành lang pháp lý được cha mẹ học sinh các lớp tổ chức thảo luận rộng rãi dân chủ, Công khai trong từng cá nhân và có ý kiến thống nhất của từng phụ huynh, lớp.

- Hiệu trưởng căn cứ tính chất công việc, khối lượng sử dụng, tình hình thực hiện năm trước, quyết định mức chi quản lý, chi nghiệp vụ phù hợp với yêu cầu thực tế và khả năng tài chính của đơn vị trong năm.

- Tuyệt đối không sử dụng nguồn kinh phí vào các mục đích cá nhân dưới mọi hình thức.

- Trong trường hợp có sự thay đổi kế hoạch, hiệu trưởng có thể triệu tập cuộc họp Ban đại diện cha mẹ học sinh bàn bạc giải quyết cho phù hợp với tình hình thực tế.

**I. Dự toán các khoản Chi thực hiện một số nhiệm vụ thay cha mẹ học sinh trong công tác nuôi, dạy học sinh của trường.**

\* **Tình hình số liệu CB-GV-CNV và học sinh**:

**1/** **Học sinh:**

- Tổng số học sinh: 260, trong đó:

- Học sinh bán trú: 260

- Học sinh 1 buổi : 0

**2/** **Cán bộ, giáo viên, công nhân viên:**

- Tổng số: 34 trong đó:

+ Cán bộ: 03

+ Giáo viên: 19

+ Công nhân viên: 12

**II. Phương án sử dụng các khoản thu chi học phí, thu sự nghiệp (thu thỏa thuận), thu hộ - chi hộ, thu khác.**

**1. Học phí: (** *Thu theo tháng* **)**

\* **Mức chi:**

+ **40%**: Tổng số thu để thực hiện CCTL theo quy định;

+ **60%**: Chi các nội dung sau:

- Chi hổ trợ một phần cho Nhân viên hợp đồng 68 đủ các khoản thu nhập theo đơn vị ( phúc lợi, KT, NQ 03…)

- Tăng cường CSVC phục vụ giảng dạy và học tập, chăm sóc trẻ

- Mua đồ dùng phục vụ giảng dạy: máy in, Đồ dùng thiết bị bán trú

- Trang bị đồ dùng thiết bị nhà bếp, lớp: Bếp ga, bàn chia ăn, tủ chờ nấu, tủ ly, chiếu gối…

- Chi mua thiết bị, dung dịch khử khuẩn phòng chống dịch bệnh COVIT 19…

- Sửa chữa máy vi tính, máy in, bơm mực máy in.

- Chi tiền điện, nước, điện thoại, Truyền hình cáp, văn phòng phẩm…

- Hỗ trợ cho hoạt động trực tiếp giảng dạy, phục vụ giảng dạy.

- Mua đồ dùng đồ chơi cho trẻ, đồ chơi ngoài trời, bảng biểu, kệ đồ chơi, tủ công cụ dụng cụ phục vụ giảng dạy

- Thiết bị điện nước, sửa chữa CSVC trường lớp, nhà bếp,

- Ôp gạch tường, lót nền nhà vệ sinh các lớp, nhà bếp

- Công thuê lao động sửa chữa ( Trả công sữa chữa trang thiết bị)

- Phí ngân hàng, phí chuyển lương, thuế thu nhập doanh nghiệp ,thuế Giá trị gia tăng theo quy định.

- Cài đặt các phần mềm, hóa đơn điện tử hồ trợ công tác quản lý, chăm sóc giáo dục trẻ…; Gia hạn các phần mểm phục vụ cho công tác kế toán

- Bảo trì, sửa chữa các thiết bị: máy hiên di động, ĐDĐC, Máy xấy chén, tủ hấp, tủ lạnh, hệ thống ga….

- Mua. bơm bình chữa cháy….

- Chi khác….

Cuối năm sau khi hoàn thành các nhiệm vụ chi cơ bản, trường sẽ trích lập quỹ và chi tăng thu nhập cho CB – GV – CNV. ( Nếu có)

\* **Mức thu**: Thực hiện mức học phí theo QĐ 34/2016/QĐ-UBND ngày 13/9/2016 và văn bản số 2772/ GDĐT-KHTC ngày 31 tháng 8 năm 2020 của UBND Thành Phố về hướng dẫn thu, sử dụng học phí và thu khác năm học 2020-2021; Công văn số 4309/UBND-TCKH-GDĐT ngày 02/10/2020 về thu và sử dụng các khoản thu khác của cở giáo dục đào tạo công lập thuộc quận Gò Vấp năm học 2020-2021. Nhà trường thực hiện thu – chi như sau :

+ Nhà trẻ: 200.000đ/tháng

+ Mẫu giáo: 160.000đ/tháng

**2. Các khoản thu hộ - chi hộ:**

**2.1 Học phẩm:**

* **Kế hoạch chi**: Theo nhu cầu hàng năm, để phục vụ tốt việc giảng dạy nhà truờng đã đề ra kế hoạch mua sắm mới một số đồ dùng, dụng cụ phục vụ giảng dạy như sau.

- Chi mua sách MG + NT, tài liệu chuyên môn: 23.500.000đ

**-** Chi mua đồ chơi, học phẩm, đồ dùng dạy học… : 25.000.000đ

- Chi mua đồ dùng khác: in phong lể hội… 4.000.000đ

( *Có bảng kế hoạch chi tiết kèm theo* )

**Tổng dự kiến chi học phẩm - học cụ: 52.000.000đ.**

* **Kế hoạch thu:**

- Tổng số học sinh là : 260 trẻ

- Dự kiến thu: 200.000đ/học sinh/năm (200.00đồng/ 260hs = 52.000.000đ)

* Mức thu đề xuất: 200.000đ/học sinh/năm

Định mức trên có thể thay đổi thấp hoặc cao hơn dự kiến do số học sinh thực tế học thay đổi.

**2.2. Tiền ăn học sinh bán trú ( 33.000đ/hs*/ngày – Thu theo tháng* ).**

**- Dự kiến chi**:

+ Sau khi kết thúc tháng nếu không chi hết phần thu (do học sinh nghỉ học) nhà trường sẽ hoàn trả lại số tiền ăn cho học sinh vào tháng kế tiếp

+ Chi chợ căn cứ vào số thực tế trẻ đi học trong ngày và số ngày trong tháng

( 20 đến 22 ngày/ tháng)

| **Số TT** | **Kế hoạch chi** | **Mức chi** | **Ghi chú** |
| --- | --- | --- | --- |
|  | Mua thực phẩm chi chợ hàng ngày bình quân | 7.080.000 |  |
|  | Mua hàng nhập kho: gạo, đường, dầu ăn, sữa.. | 1.500.000 |  |
|  | Bình quân 1 tháng: (7.080.000+ 1.500.000) x 20 ngày | **171.600.000** |  |
|  | **Cộng chi trong 01 tháng**  Nếu định mức thu là 33.000đ/hs/ngày  **Số thu dự kiến thu là: 260 hs x 33.000đ x 20 ngày =171.600.000đ**.   * Như vậy phần dự toán chi hợp lý so với mức thu cho phép. * Số ngày học sinh nghỉ thực tế sẽ được hoàn trả lại cho phụ huynh vào tháng kế tiếp. | **171.600.000** |  |

**2.3. Tiền nước uống tinh khiết học sinh bán trú ( 12.000đ/hs*/*tháng–***Thu theo tháng* **).**

| **Số TT** | Kế hoạch chi | **Mức chi** | **Ghi chú** |
| --- | --- | --- | --- |
|  | Bình quân 1 lớp sử dụng 9 bình nước (19 lít):  10 lớp x 9 bình x 36.000đ/b | **3.240.000** |  |
|  | Cộng thu - chi trong 01 tháng  Nếu định mức thu là 12.000đ/hs/tháng  Số thu dự kiến đóng đủ là: 260hs x 12.000đ = 3.120.000đ.  Như vậy phần dự toán chi âm 120.000 đ/ tháng | **3.114.000** | **- 120.000** |

Trong quá trình thực hiện thu, nếu sử dụng chi không hết tiền nước uống đơn vị sẽ không thu tháng kế tiếp mà sử dụng số tiền thừa còn lại cho hết nhằm đảm bảo nguyên tắc thu đủ bù chi.

**2.4 Tiền ăn sáng ( 15.000đ/hs/ngày – *Thu theo tháng* ).**

Dự kiến chi: Chi hết cho số cháu đăng ký ăn sáng

| **Số TT** | **Kế hoạch chi** | **Mức chi** | **Ghi chú** |
| --- | --- | --- | --- |
| 1 | Mua hàng nhập kho: gạo, đường, dầu ăn, sữa..trong 01 ngày | **1.350.000** |  |
|  | Mua thực phẩm chi chợ hàng ngày bình quân | **2.550.000** |  |
|  | Bình quân 1 tháng: 3.900.000đ x20ngày | **78.000.000** |  |
|  | **Cộng chi 01 tháng**  Nếu định mức thu là 15.000đ/hs/ngày  Số thu dự kiến đóng đủ là:  260hs x 15.000đ x 20 ngày =**78.000.000đ**.   * Như vậy phần dự toán chi hợp lý so với mức thu cho phép. * Số ngày nghỉ từ 2 ngày trở lên có xin phép sẽ được hoàn trả lại cho phụ huynh số ngày trẻ nghỉ, nếu không xin phép nhà trường không hoàn lại. | **78.000.000** |  |

**2.5 Tiền BHTN học sinh (30.000đ/hs/năm)**

**Dự kiến chi:** Nhà trường triển khai mua bảo hiểm tai nạn học sinh trên tinh thần tự nguyện của phụ huynh đăng ký. Sau khi thu xong tiền phụ huynh đóng cho các bé, nhà trường sẽ chuyển trả toàn bộ số tiền đã thu cho Công ty bảo hiểm.

**Dự kiến thu:** 260 hs \* 30.000đ/năm = **7.800.000** đồng

**3. Các khoản thu thỏa thuận:**

Thực hiện trích một phần các khoản thu để chi cho các hoạt động như VPP, điện, nước, điện thoại, …. Các khoản thu sau khi trừ các chi phí có liên quan phần chênh lệch (nếu có) phải thực hiện trích 40% để tạo nguồn CCTL theo quy định, 60% còn lại được sử dụng theo quy định tại NĐ43

**3.1 Tiền quản lý phục vụ bán trú: (200.000đ/hs/tháng - Theo tháng ).**

**\*** Trong năm học 2020-2021 nhà trường được giao đinh biên: 28 biên chế hành chính, 05 dự phòng và 05 hợp đồng 68 ( nhưng vị trí cần cho CS ND…là 08 ), nên thiếu hợp đồng nhân viên nuôi dưỡng là 03

Trường sẽ thu 200.000đ/ tháng/học sinh:

* **Kế hoạch dự kiến chi***:*

*Trong đó:+ Mức thu 150.000đ chi trả cho tất cả đối tượng CB-GV-CNV có tham gia hoạt động bán trú theo hệ số được quy định trong Quy chế chi tiêu nội bộ.*

*+ Mức thu 50.000đ hỗ trợ chi trả tiền 03 nhân viên nuôi dưỡng hợp đồng* (HĐ 68) dôi dư theo quyết định giao định biên của quận *( Bao gồm tiền lương và các khoản phụ cấp, phúc lợi, khen thưởng… ) và hưởng 12 tháng/năm.*

Căn cứ chi: Tùy theo mức độ công việc, chế độ được hưởng của mỗi người

**\* Tỉ lệ chi: từ 150.000đ**

* **95% Chi con người: 35.100.000đ/tháng**

***a. Ban giám hiệu: ( 03 người ).***

- Hiệu trưởng: Hệ số 1,25: ( chịu trách nhiệm chung)

- Phó hiệu trưởng ( 02 người ): Hệ số 1.2: (01 phụ trách CM, 01 phụ trách bán trú)

***b. Giáo viên: 19 người.***

- Giáo viên ( 19 người ): Hệ số 1.1:

***Nhân viên tham gia bán trú: ( 12 người ).***

- Nhân viên kế toán ( 01 người ): Hệ số 1.1

- Nhân viên y tế kiêm thủ kho, tiếp phẩm ( 01 người ): Hệ số 1.1

- Nhân viên văn thư kiêm thủ quỹ… ( 01 người ): Hệ số 1.5

- Nhân viên cấp dưỡng ( 04 người ): Hệ số 1.1

- Nhân viên nuôi dưỡng ( 03 người ): Hệ số 0.9

- Nhân viên bảo vệ ( phụ chuyển thức ăn) 03 người : Hệ số 0.9

- Nhân viên khiêm nấu ăn : Hệ số 1.0

- Nhân viên khiêm thủ kho: Hệ số 1.1

* **0.5% Khiêm nhiệm**:

- Bí thư CĐ : 0.05

- Trưởng ban thanh tra 0.07

- Thư kí biên bản (HĐT + HĐSP + BGH) 0.03

* .**5%** **Chi hỗ trợ hoạt động: 1.950.000đ**

- Chi trả phí ngân hàng, các loại thuế theo quy định

- Tiền điện thoại, nước, điện, internet …..

- Mua sắm văn phòng phẩm

- Chi hỗ trợ hệ số chức vụ 0,2 theo hệ số lương cho nhân viên hợp đồng 68 làm tổ trưởng văn phòng.

- Chi hoạt động khác:

+ Chi trả công sửa chữa hệ thống điện nước , phòng lớp, nhà vs…)

+ Mua văn phòng phẩm, biên lai thu tiền

+ Tiền điện, điện thọai, tiền nước,

**+** Photo, bơm mực, in tai liệu thực đơn

+ Chi sữa chữa điện, nước…

+ Chi mua săm trang bị đồ dùng bán trú, điện, nước…

+ Chi làm bảng biểu, đồ dùng đồ chơi chuyên môn

+ Chi bảo trì máy hiên, thiết bị điện ĐDĐC hổ trợ chăm sóc giáo dục trẻ ( dụng cụ thể dục, ĐCNT…)

+ Chi thuê lao động ( kế tóan tạm thời, NVPV, công sửa chữa điện, nước….):

từ 500.000đ đến 1000.000đ triệu / tháng họặc /công trình sữa chữa

**Tổng dự kiến chi quản lý phục vụ bán trú = 39.000.000đ**

* **Kế hoạch thu**:

- Tổng số học sinh là :260 trẻ

- Tổng số học sinh là :260 trẻ x 200.000đ = 52.000.000đ ( còn 13.000.000đ chi hổ trợ nhân viên hợp đồng 68 dơi dư theo quyết định giao định biên 2020)

* Mức thu đề xuất: 200.000đ/học sinh/tháng

Định mức trên có thể thay đổi thấp hoặc cao hơn dự kiến do số học sinh thực tế học thay đổi.

**3.2 Tiền chi trả hợp đồng nhân viên nuôi dưỡng: ( 40.000đ/hs/tháng - Theo tháng ).**

Trường sẽ thu 40.000đ/HS/ tháng *Theo Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân Tp.Hồ Chí Minh ngày 06/7/2017* để Hỗ trợ chi trả tiền hợp đồng nhân viên nuôi dưỡng theo hợp đồng 68 dôi dư theo kế hoạch giao định biên 2020 ( Bao gồm tiền lương, các khoản phụ cấp và các khoản thu nhập khác ) và hưởng 12 tháng theo năm .

* **Kế hoạch chi*:***

- Nhân viên nuôi dưỡng ( 03 người ): 7.546.000đ/ tháng/ người

(**271.624.000.000đ** / 12 tháng/ 3 người)

( Chi các khoản gồm tiền lương, các khoản phụ cấp và các khoản thu nhập khác…. ).

Được hưởng 12 tháng theo năm.

**Tổng dự kiến chi 12 tháng cho 03 nhân viên nuôi dưỡng = 271.624.000.000đ**

* **Kế hoạch thu**:

260 hs x 40.000đ/HS/tháng x 9 tháng = **93.600.000đ**.

* Như vậy phần dự toán chi hợp lý so với mức thu cho phép.
  1. **Tiền mua sắm thiết bị, vật dụng phục vụ bán trú: ( 150.000đ/hs/năm )**
* **Kế hoạch chi**:

Theo nhu cầu hàng năm, để phục vụ tốt việc chăm sóc ăn uống và sức khỏe cho học sinh, nhà truờng đã đề ra kế hoạch mua sắm mới một số đồ dùng, dụng cụ phục vụ bán trú như sau:

- Mua đồ dùng bán trú: 23.000.000đ

- Mua trang thiết bị bán trú: 11.500.000đ

- Sửa chữa đồ dùng bán trú,… 4.500.000đ

*( Có bảng kế hoạch chi tiết đính kèm ).*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tổng dự kiến chi: 39.000.000đ** |  |  |  |  |  |

\* **Kế hoạch thu**

- Tổng số học sinh là : 260.000trẻ

- Dự kiến thu: 150.000đ/học sinh/năm ( 150.000đồng/ 260hs = 39.000.000đ)

* Mức thu đề xuất: 150.000đ/học sinh/năm

Định mức trên có thể thay đổi thấp hoặc cao hơn dự kiến do số học sinh thực tế học thay đổi.

**3.4 Vệ sinh phí: ( 25.000đ/hs/tháng -** *Thu theo tháng* **).**

* Kế hoạch chi*:* 6.500.000 đồng/tháng, cụ thể:

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | | | | |  |  | |  |
| **STT** | **DANH MỤC** | **ĐVT** | **SỐ LƯỢNG** | **ĐƠN GIÁ** | | **THÀNH TiỀN** | **GHI CHÚ** | |
| 1 | Khăn giấy Vĩnh Huê | Kg | 12 | 42,000 | | 504,000 | khăn vuông | |
| 2 | Giấy vệ sinh An an | Cuộn | 34 | 4,500 | | 153,000 |  | |
| 3 | Nước rửa chén Sunglight 3,8kg | Bình | 7 | 120,500 | | 843,500 |  | |
| 4 | Nước tẩy con vịt | Chai | 20 | 40,000 | | 800,000 |  | |
| 5 | Xà bông bột omo | Bịch | 20 | 24,500 | | 490,000 |  | |
| 6 | Nước tảy Javel | Chai | 30 | 32,000 | | 960,000 |  | |
| 7 | Bao rac đen 1m2 | Kg | 2 | 70,000 | | 140,000 |  | |
| 8 | Bao rac trắng | Kg | 3 | 70,000 | | 210,000 |  | |
| 9 | Nước lau sàn Sunlight | Bình | 2 | 35,000 | | 70,000 |  | |
| 10 | Nước rửa tay khử trùng SPK 5lít | Bình | 2 | 238,000 | | 476,000 |  | |
| 11 | Găng tay hàn quốc | Đôi | 6 | 32,000 | | 192,000 |  | |
| 12 | Bao tay y tế | Hộp | 1 | 85,000 | | 85,000 |  | |
| 13 | Kem đánh răng bé ngoan | Cây | 18 | 7,500 | | 135,000 |  | |
| 14 | Chùi nhôm | Cái | 6 | 6,500 | | 39,000 |  | |
| 15 | Xịt muỗi Rain | Bình | 9 | 78,500 | | 706,500 |  | |
| 16 | Phun thuôc côn trùng | Lần | 1 | 446,000 | | 446,000 |  | |
| 17 | Đổ rác |  | 1 | 250.000 | | 250.000 |  | |
| 18 | Ga hấp khăn | bình | 1 binh/4 tháng | 400.000 | | 400.000 |  | |
| **TỔNG CỘNG** | | | | | | **6,500.000** |  | |

* **Kế hoạch thu**:

- Tổng số học sinh là : 260 trẻ

- Dự kiến thu: 25.000đ/học sinh/tháng ( 25.000đồng/260hs = 6.500.000đ)

* Mức thu đề xuất: 25.000.đ/học sinh/tháng

Định mức trên có thể thay đổi thấp hoặc cao hơn dự kiến do số học sinh thực tế học thay đổi.

* 1. ***Tiền học ngoại khóa.***
* **Kế hoạch thu:**

Mức thu thỏa thuận: **50.000đ**/môn/tháng ( Vẽ + Nhịp điệu + Võ ) *Thu theo tháng.*

Mức thu thỏa thuận: **80.000đ**/môn/tháng ( Anh văn ) *Thu theo tháng*

* **Kế hoạch chi như sau**:

- **90%:** Chi trả GV dạy trực tiếp ( Ký kết hợp đồng với các công ty: Công ty TDNĐ Búp Măng Non, Công ty Đức Lợi). **80%** chi trả cho môn Anh văn( Công ty Tân Văn)

- **10%**: Chi cho con người và hoạt động năng khiếu: ( Quy thành 100% )

+ **94%:** Chi công tác quản lý + thu chi + GV phụ quản lớp+ hộ trợ nhân viên phục vụ các hoạt động phục vụ cháu

+ 2%: Chi hỗ trợ tiền điện, mua sắm sữa chữa CSVC + TTB.

+ 2%: Đóng thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định.

+ 2%: Đóng thuế Giá trị gia tăng theo quy định.

+ ***Chi con người:***

Chi cho mỗi giáo viên hổ trợ công tác giảng day:

( số trẻ học tại 1 lớp x 4000đ đến 5000đ/ 2 cô/ 1 trẻ)

Chi hỗ trợ công tác quản lý dạy năng khiếu /4 môn

- Hiệu trưởng 120.000đ - 180.000đ

- Phó Hiệu trưởng 120.000đ - 180.000đ

- Kế toán 100.000 đ - 160.000đ

- Thủ quỹ + văn thư 100.000đ - 160. 000đ

Định mức có thể thay đổi thấp hoặc cao hơn dự kiến do số học sinh thực tế trong tháng thay đổi. Nhưng phần chi cho công tác năng khiếu không vượt quá tỷ lệ % phần thu đã đề ra. Phần dư thừa cuối năm ( nếu có ) đơn vị thực hiện theo quy định hiện hành.

* **Kế hoạch thu:** 3môn: 560 hs x 50.000đ = 28.000.000đ/tháng

AV : 212 hs x 80.000đ = 16.960.000đ/tháng

**TC = 44.960.000đ/tháng**

**3.6 Tiền công phục vụ ăn sáng: ( 100.000đ/hs/tháng -** *Thu theo tháng* **)**

* Số dự kiến chi được tính như sau:

**+ 95% Chi cho con người.**

Chi theo hệ số (**HT** 1.2; **PHT** 1.2; **CD** 1.2; **GV:** 1.1, **KT** 1,1 **; NVCS** 1.0 ; **VT khiêm TQ** : 1.1; **BV:** 0,9 ,**YT khiêm kho:** 1.0**)**

| **Số TT** | **Kế hoạch chi** | **Mức chi** | **Ghi chú** |
| --- | --- | --- | --- |
| 1 | Tiền phục vụ ăn sáng: 100.000đ/ hs/ tháng | 26.000.000 |  |
|  | **\*95 % Chi cho con người.** | **24.700.000** |  |
|  | Định mức tiền hệ số: 537.405/ 1.0 ( 39.3)/ 34 người | **24.637.160** |  |
|  | ***Bộ phận trực tiếp*** | **19.232.069** |  |
|  | Chịu trách nhiệm nấu bán trú cho học sinh, nhận và kiểm tra thực phẩm trước khi chế biến; đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm cho bữa ăn. Hàng ngày lưu mẫu thực phẩm vào khay bảo quản trong tủ lạnh. Có trách nhiệm bảo quản tài sản, thực hiện công tác vệ sinh trong bếp (03 người/ 10 lớp): Tổng hệ số 3.6 | 2.262.596 |  |
|  | Chăm sóc bữa ăn sáng cho trẻ (21ng/ 10 lớp): Tổng Hệ Số: 23.0 | 14.455.477 |  |
|  | Vệ sinh sàn rửa, rửa chén bát, giặt khăn cho hs, phụ lớp (04 người/10 lớp): Tổng hệ số: 4.0 | 2.513.996 |  |
|  | ***Bộ phận gián tiếp*** | **5.405.091** |  |
|  | Chịu trách nhiệm chung về quản lý công tác tổ chức ăn sáng. Phụ trách chung. Tham mưu với cấp ủy Đảng, các đoàn thể của phường, Ban đại diện CMHS, trạm y tế phường phối hợp thực hiện để công tác tổ chức ăn sáng đạt hiệu quả. Lên kế hoạch tổ chức thực hiện kiểm tra đôn đốc, sơ kết, tổng kết, kiểm tra giám sát tinh thần phục vụ của cấp dưỡng (03 người/ 10 lớp). Tổng hệ số: 3.6 | 2.262.596 |  |
|  | Quản lý thu chi tài chánh bán trú, theo dõi thực phẩm hàng tháng, chịu trách nhiệm hồ sơ tiền ăn sang của HS và chi trả tiền thực phẩm khi được sự đồng ý của trưởng ban. Cân đối thu chi hàng tháng và báo cáo với cấp trên (01 người/ 10 lớp): Tổng hệ số 1.1 | 691.349 |  |
|  | Thu tiền ăn sáng hàng tháng, theo dõi số lượng học sinh ăn sáng hàng tháng. Theo dõi tình hình đóng tiền của Phụ huynh. Hỗ trợ giờ ăn các lớp khi được sự chỉ đạo từ cấp trên , chịu trách nhiệm công tác văn thư, kiểm tra, giám sát việc thực hiện VSATTP, kho, chăm sóc sức khỏe cho HS, tiếp phẩm kiểm tra hàng hóa ăn sáng hàng ngày(02 người/ 10 lớp): Tổng hệ số: 2.1 | 1.319.848 |  |
|  | Kiểm tra các thiết bị điện nước trong lớp đảm bảo an toàn cho trẻ, sửa chữa bàn ghế hs, đẩy cơm các lớp... (02 người): Tổng hệ số: 1.8 | 1.131.298 |  |
|  | **\*** **5%** **Chi hoạt động.** – Tiền điện, nước, VPP…. | **1.300.000** |  |
|  | **Cộng chi**  Nếu định mức thu là 100.000đ/hs/tháng  Số thu dự kiến đóng đủ là: 260hs x 100.000đ = **26.000.000đ**.  ***Như vậy phần dự toán chi hợp lý so với mức thu cho phép.*** | **26.000.000** |  |

**Kết luận:**

- Các khoản thu hộ - chi hộ, thu thỏa thuận phải đảm bảo nguyên tắc thu bù chi, sử dụng đúng mục đích được nêu ra trong kế hoạch.

- Căn cứ Công văn số 4309/UBND-TCKH-GDĐT ngày 02 tháng 10 năm 2020 của Ủy ban Nhân Dân Quận Gò Vấp về việc thực hiện các khoản thu năm học 2020-2021 nhà trường và phụ huynh xin thỏa thuận mức thu năm học 2020-2021 như sau:

**Bảng tổng hợp các khoản thu năm học 2020-2021:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Nội dung thu** | **Mức thu thỏa thuận** |
| Tiền học phí: | NT 200.000đ/hs/tháng  MG 160.000đ/hs/tháng |
| Tiền quản lý & phục vụ bán trú | 200.000đ/hs/tháng |
| Tiền *Theo Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân Tp.Hồ Chí Minh ngày 06/7/2017* để Hỗ trợ chi trả tiền hợp đồng nhân viên nuôi dưỡng theo hợp đồng 68 | 40.000đ/hs/tháng |
| Tiền thiết bị vật dụng | 150.000đ/ hs/năm |
| Tiền học phẩm – học cụ | 200.000đ/hs/năm |
| Tiền bảo hiểm tai nạn | 30.000đ/hs/năm |
| Tiền vệ sinh phí bán trú | 25.000đ/hs/tháng |
| Tiền nước uống học sinh bán trú | 12.000đ/hs/tháng |
| Tiền học ngoại khóa ( NĐ +Vẽ +Võ) | 50.000đ/môn/tháng |
| Tiền học ngoại khóa ( Anh văn ) | 80.000đ/môn/tháng |
| Tiền phục vụ ăn sáng | 100.000đ/hs/tháng |
| Tiền ăn học sinh bán trú | 33.000đ/hs/ngày |
| Tiền ăn sáng | 15.000đ/hs/ngày |

**III. Các biện pháp tổ chức thực hiện kế hoạch:**

* Kế hoạch thu – chi các khoản thu thỏa thuận năm học 2020 - 2021 được thực hiện sau khi thông qua đại hội đại biểu của cha mẹ học sinh biểu quyết nhất trí cao.
* Về thu - chi: Đảm bảo chứng từ đầy đủ, hợp lệ, hợp pháp theo quy định quản lý tài chính của Nhà nước.
* Kế hoạch thực hiện công khai, dân chủ trong nội bộ đơn vị, trong cha mẹ học sinh, thể hiện sự thống nhất và khách quan.
* Tổ chức họp hội đồng trường, Hội đồng sư phạm triển khai văn bản hướng dẫn thông qua các khoản thu, chi thỏa thuận  năm học 2020-2021; hội đồng sư phạm thống nhất các khoản thu, chi thỏa thuận  năm học 2020-2021 .
* Công khai Trê trang web trường
* Tổ chức Họp phụ huynh học sinh đầu năm.
* Việc sửa đổi, bổ sung kế hoạch phải được thông qua hội nghị ban đại diện cha mẹ học sinh.

**HIỆU TRƯỞNG**

**TRẦN THỊ CẨM HỒNG**